

Bản án số: 117/2020/HSST
Ngày 16/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân
2. Ông Nguyễn Công Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2020/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 26/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/HSST-QĐ ngày 10/9/2020 và thông báo mở lại phiên tòa, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn T**- sinh năm 1979; ĐKKHKT và nơi cư trú : Thôn Văn T, xã Cẩm V, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên bố: Ông Hoàng Văn H (Đã chết); Họ tên mẹ: Bà Vũ Thị U; Vợ: Chị Lê Thị M; Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005 (tại phiên tòa khai có 04 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 09 ngày 10/02/2012 của Tòa án nhân dân TP. Hải Dương xử phạt Hoàng Văn T 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp án phí ngày 11/4/2012 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2013).

- Quyết định số 44 ngày 20/02/2017 của Công an huyện Cẩm G- tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng Văn T số tiền 2.250.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy và Đánh bạc (đã nộp phạt xong ngày 29/3/2017).

- Quyết định số 1034 ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm G- tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng Văn T số tiền 7.500.000đ về hành vi dùng chỗ ở để chứa bạc (đã chấp hành xong ngày 29/3/2017).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/12/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Hải Dương; (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thế Th-** sinh năm 1994; ĐHKTT: Thôn 10- xã Quảng H- huyện Quảng X- tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn T- thị trấn Lai C- huyện Cẩm G- tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Họ tên bố: Ông Nguyễn Thế M1; Họ tên mẹ: Bà Phạm Thị Th1; Gia đình có 02 chị em, Th là con thứ nhất; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 136A ngày 19/4/2012 của Tòa án nhân dân Quận Hai Bà T- TP. Hà Nội xử phạt Nguyễn Thế Th 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 5.000.000đ), (đã chấp hành nộp án phí ngày 01/9/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/2013).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2019 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Hải Dương; (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị Ph-** sinh năm 1964 ; ĐKHKT và nơi cư trú : Thôn Văn T- xã Cẩm V- huyện Cẩm G- tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/9; Họ tên bố: Ông Nguyễn Văn P; Họ tên mẹ: Bà Phạm Thị V; Chồng: Ông Nguyễn Văn Qu; Có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/6/2020 đến nay tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Hải Dương; (có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1983

Trú tại: Số 51A Kim S, khu 1x, P. Tân B, TP. Hải Dương, Hải Dương; (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị M, sinh năm 1982; ĐKHKT: Thôn Văn T, Cẩm V, Cẩm G, Hải Dương (hiện lao động ở Đài Loan), (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị M: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Văn T, Cẩm V, Cẩm G, Hải Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020 có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), (có mặt).

+ Ngân hàng TMCP QT; trụ sở: Tầng 1,6,7 Tòa nhà C, 16 Phan CT, Q. Hoàn K, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Anh Mai Văn Tr, sinh năm 1989- Cán bộ Ngân hàng TMCP QT; địa chỉ: Tầng M tòa nhà H, số 37 đường N, Q. Hoàn K, TP. Hà Nội (theo giấy ủy quyền số 2894520 ngày 15/01/2020), (có mặt).

* *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị Khánh H, sinh năm 1990; trú tại: Số 51A Kim S, khu 1x, P. Tân B, TP. Hải Dương, Hải Dương.

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Khắc M2, sinh năm 1964; trú tại: 107 Bình L, khu 11, P. Tân B, TP. Hải Dương.

(Chị Hòa và ông Mầu đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/01/2019, tức ngày 20/12/2018 (âm lịch), anh Nguyễn Khắc Đ- sinh năm 1983 ở số 51A Kim S- phường Tân B- TP. Hải Dương có vay của Nguyễn Thị Ph số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) với thỏa thuận lãi suất là 1.500đ/1ngày/1 triệu, mỗi tháng trả lãi một lần (tại giấy vay tiền kiêm nhận nợ không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ gốc). Do làm kinh doanh thua lỗ, anh Đ không trả được gốc và lãi đúng hạn nên Ph yêu cầu anh Đ trả nợ nhưng anh Đ không trả, Ph nói cho Hoàng Văn T biết và nhờ T cùng Ph đòi tiền nhiều lần nhưng anh Đ nói không có tiền và xin khất nợ.

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 28/11/2019, T điều khiển xe ô tô hiệu Mazda màu trắng, biển số 34A- 227.xx chở Ph đến nhà anh Đ ở số 51A Kim S, P. Tân B, TP. Hải Dương để đòi tiền. Khi T và Ph đang đi thì Nguyễn Thế Th (bạn của T) gọi điện thoại bảo mang cho T 02 chiếc gậy gỗ để làm lồng chim, T bảo Th mang ra công khu công nghiệp Đại A- phường Tứ M- TP. Hải Dương. Tại đây, T rủ Th đi cùng, Th đồng ý. Khi đó T lái xe, Ph ngồi ở ghế phụ, còn Th ngồi ở ghế sau. Trên xe, T nói cho Th biết việc chở Ph đi đến nhà Đ để đòi tiền. Lúc này, Th thấy 01 vật bằng kim loại màu đen có hình dáng quả lựu đạn tại hộc để đồ giữa ghế lái và ghế phụ trên xe ô tô, Th hỏi T "Quả lựu đạn này thật hay giả ", T nói "Quả lựu đạn giả, tý mày cầm quả lựu đạn này vào dọa nó cho anh, thằng này liên thiên lắm, nó hèn bao lần không trả, em dọa xem nó thế nào", Th hiểu là T bảo Th cầm quả lựu đạn giả vào đe dọa làm anh Đ sợ hãi phải trả tiền, Th đồng ý rồi cho quả lựu đạn vào túi áo khoác đang mặc. Khi đó, Ph nghe thấy T và Th nói chuyện với nhau nhưng không phản đối gì, mục đích dọa cho anh Đ sợ hãi mà phải trả tiền cho Ph. Khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, T chở Ph, Th đến nhà anh Đ. Tại đây, Ph và Th đi vào nhà gặp anh Đ để đòi tiền. Một lúc sau, T cũng đi vào phòng khách nhà anh Đ cùng với Ph, Th để nói chuyện. Lúc này, cháu Nguyễn Khắc H1- sinh năm 2017 (con trai anh Đ) cũng ngồi ở phòng khách. Khi đó, Ph bảo anh Đ trả tiền thì anh Đ bảo sang tháng có lương sẽ trả nhưng Ph nói anh Đ phải trả luôn hôm nay, trả dần mỗi tháng 5.000.000đ, anh Đ nói không có tiền để trả, T nói "Mày hèn anh lên trả tiền mà không nghe máy, trốn tránh nhiều lần" và bảo anh Đ trả dần mỗi tháng trả từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ nhưng anh Đ nói không có tiền. Hai bên nói chuyện đòi tiền khoảng 10 đến 15 phút, thì T bảo Th "Quả lựu đạn đâu?". Thấy vậy, Th lấy quả lựu đạn trong túi áo khoác ra cầm ở trái, tay phải cầm vào chốt quả lựu đạn, đứng cách anh Đ khoảng 01m và nói với anh Đ "Hôm nay không trả cho cô Ph ít nhiều thì anh biết" và bảo Ph và T đi ra ngoài, ý là nếu hôm nay anh Đ không trả tiền thì sẽ cho nổ quả lựu đạn, còn T nói "Giờ ý thế nào thì bảo cô Ph một câu", Ph nói "Giờ thằng Đ mày thế nào, nói dứt khoát một lời". Nghĩ quả lựu đạn là thật, anh Đ sợ hãi nên nói từ từ và chạy ra khóa cửa, mục đích để không cho Ph và T ra khỏi nhà thì Th sẽ không dám cho nổ lựu đạn và khi đó còn có con nhỏ trong nhà. Sau đó, anh Đ gọi điện thoại thông báo cho Công an phường Tân B biết. Thấy

vậy, Th và T yêu cầu anh Đ mở cửa nhưng anh Đ không mở thì Th cầm chiếc kéo và chiếc khóa bằng kim loại hình chữ "U" đập khóa cửa. Đ chạy ra ngăn cản Th đập cửa thì bị T túm cổ áo dồn vào tường. Th không phá được cửa, T bảo Th để quả lựu đạn vào bên trong chiếc xe ô tô đồ chơi trong nhà anh Đ. Một lúc sau, Công an phường Tân B và Cơ quan CSĐT- Công an TP. Hải Dương đến lập biên bản và thu giữ tang vật gồm: trong xe ô tô đồ chơi cạnh tường trong nhà anh Đ 01 vật hình cầu bằng kim loại màu đen, trên thân có các khía rãnh tạo thành các ô vuông, phần trên đầu có chốt kim loại màu xám có vòng lò xo bằng kim loại xuyên ngang chốt, kích thước (10 x 5)cm, 01 khóa chữ U bằng kim loại, 02 chuỗi kéo bằng nhựa màu tím bị gãy; 01 chiếc kéo bằng kim loại không có chuỗi màu trắng sáng, 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3 màu trắng, biển số 34A- 227.xx, 02 gậy gỗ trong cốp sau xe ô tô. Ngoài ra, Th tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3.1 màu trắng trong có 02 sim, T tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng bên trong có 01 sim cho cơ quan CSĐT- Công an TP. Hải Dương.

Tại bản kết luận giám định số 7177/ C09- P2 ngày 03/12/2019 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công An kết luận: 01 vật hình cầu, vỏ bằng kim loại sơn màu đen, phần trên có gắn thanh kim loại gửi giám định là mô hình lựu đạn. Mô hình lựu đạn này không có tác dụng gây nổ vì không có thuốc nổ và kíp nổ. Mô hình lựu đạn này không thuộc vũ khí quân dụng.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKSNDTPHD ngày 06/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Thê Th và Nguyễn Thị Ph về tội Cướp tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo T, Th cơ bản khai nhận như tại giai đoạn điều tra và truy tố; bị cáo Ph lúc đầu quanh co, sau đó xác nhận lời khai của bị cáo trong hồ sơ là đúng sự thật. Các bị cáo xác nhận: T không rủ Th đi để đòi nợ mà do Th muốn đi cùng. Khi trên xe, T và Th trao đổi với nhau về việc cầm lựu đạn giả để dọa anh Đ trả tiền cho Ph, lúc đó Ph có ngồi ở ghế phụ trên xe nhưng không phản ứng gì. Khi đến nhà anh Đ, các bị cáo chỉ yêu cầu anh Đ trả số tiền 05 triệu đồng nhưng anh Đ không trả, nên T bảo Th “quả lựu đạn đâu”. Th rút lựu đạn ra dọa cho nổ để buộc anh Đ trả tiền. Lúc này, Ph có mặt ở đó, nhìn thấy Th rút lựu đạn giả ra dọa anh Đ nhưng không có phản ứng, hành động gì. Do đòi nợ anh Đ nhiều lần không trả, hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo đã dùng lựu đạn giả để dọa anh Đ trả tiền. Nay các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Anh Hoàng Văn T1 đại diện cho chị Lê Thị M trình bày: Chiếc xe ô tô hiệu Mazda màu trắng mà T sử dụng chở các bị cáo đi đòi tiền là tài sản chung của bị cáo T và chị M, dùng để thế chấp vay nợ của Ngân hàng QT. Anhanh T1 đề nghị Tòa án giao lại xe cho ngân hàng để thu hồi nợ, nếu còn thừa thì trả lại cho chị M.

- Anh Mai Văn Tr đại diện cho ngân hàng QT giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giao chiếc xe ô tô hiệu Mazda màu trắng mà T sử dụng phạm tội cho ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm h, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm t khoản 1 Điều 51 (riêng đối với bị cáo T), Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 54 (riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Ph), điểm a khoản 1 và 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Thế Th và Nguyễn Thị Ph phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, ngày 01/12/2019. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Th 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28/11/2019. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ph 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, ngày 22/6/2020. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và truy tố: Với mục đích đòi tiền nợ cho bị cáo Nguyễn Thị Ph, trong khoảng thời gian từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ 00 phút ngày 28/11/2019, tại nhà anh Nguyễn Khắc Đ ở số 51A Kim S- phường Tân B- TP. Hải Dương, Hoàng Văn T, Nguyễn Thế Th và Nguyễn Thị Ph đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm (dùng 01 vật hình cầu, vỏ bằng kim loại sơn màu đen, phần trên có gắn thanh kim loại là mô hình lựu đạn) để đe dọa cho nỗ lực cầu anh Đ phải trả số tiền 5.000.000đ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Khắc Đ vắng mặt. Lời khai của anh Đ trong hồ sơ thể hiện: khi các bị cáo đến gặp anh Đ, lúc đầu Ph và T yêu cầu anh Đ trả số tiền 20 đến 30 triệu đồng, nhưng anh không có tiền nên hai bên xảy ra to tiếng. Trong lúc to tiếng T và Ph có yêu cầu anh trả trước số tiền 05 triệu đồng hay không thì anh không để ý.

Do đó, căn cứ lời khai của các bị cáo, người bị hại, có căn cứ xác định số tiền các bị cáo yêu cầu anh Đ trả là 5.000.000đ.

Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, do sử

dụng lựu đạn giả để khống chế, đe dọa buộc người bị hại trả tiền nên các bị cáo chịu tình tiết định khung tăng nặng là “thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS. VKSND thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không bị oan.

[2]. Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, đòi nợ trái quy định của pháp luật, trong đó Hoàng Văn T là người đề xuất, chuẩn bị lựu đạn giả, chỉ đạo Th và trực tiếp cùng Th thực hiện hành vi phạm tội. Th là người tiếp nhận ý chí của T, trực tiếp cầm lựu đạn giả và thực hiện hành vi đe dọa anh Đ để buộc anh Đ trả tiền. Nên T giữ vai trò đầu vụ, Th giữ vai trò thứ hai sau T. Bị cáo Nguyễn Thị Ph biết T và Th bàn bạc dùng lựu đạn giả để đe dọa anh Đ trả tiền cho mình, bị cáo biết mà không ngăn cản, để mặc T và Th thực hiện hành vi, nên Ph là đồng phạm với vai trò người giúp sức, vị trí sau cùng trong vụ án.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cơ bản thành khẩn khai báo, số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt (05 triệu đồng) chưa lấy được và các bị cáo phạm tội ở khoản 2 Điều 168 BLHS nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn. Gia đình bị cáo Ph và T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 1.500.000 đồng do có hành vi đập phá cửa. Người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Trong vụ án này cũng nên xem xét một phần lỗi của người bị hại. Nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo T có xác nhận của PC 02 Công an tỉnh Hải Dương về việc bị cáo T có thành tích trong việc bắt giữ đối tượng truy nã và cung cấp thông tin để bắt giữ đối tượng có hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Ph có chồng được tặng Bằng khen của Bộ trưởng bộ quốc phòng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4]. Về hình phạt chính: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo T giữ vai trò đầu vụ, Th vai trò thứ hai, cả 2 đối tượng này đều là người có nhân thân xấu từng bị kết án, bị cáo T còn bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần. Bị cáo Ph vai trò giúp sức trong vụ án. Do đó cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, HĐXX sẽ xem xét đến động cơ, mục đích phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo để nên một hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra. Riêng bị cáo Ph vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và 04 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS,

nên áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo Ph dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đ tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 vật hình cầu bằng kim loại màu đen, trên thân có các khía rãnh tạo thành các ô vuông, phần trên đầu có chốt kim loại màu xám có vòng lò xo bằng kim loại xuyên ngang chốt, kích thước (10 x 5)cm của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. 02 gậy gỗ của bị cáo Th, bị cáo không yêu cầu nhận lại. 01 khóa chữ U bằng kim loại, 02 chuỗi kéo bằng nhựa màu tím bị gãy, 01 chiếc kéo bằng kim loại không có chuỗi màu trắng sáng là tài sản của anh Đ, có giá trị thấp nên anh Đ không yêu cầu nhận lại. Do đó, số vật chứng này cần tịch thu, cho tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3.1 màu trắng trong có 02 sim của bị cáo Th và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng bên trong có 01 sim của bị cáo T. Đây là các tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 34A- 227.xx, đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T, là tài sản chung của bị cáo T và chị Lê Thị M. T đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước phần giá trị xe thuộc sở hữu của T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe trên, bị cáo T và vợ là chị Lê Thị M đã thế chấp chiếc xe trên để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP QT theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số: 082.HĐTD1.024.18 ngày 06/02/2018, và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số: 082.HĐTC1.024.18 ngày 07/02/2018. Khi bị cáo T sử dụng chiếc xe ô tô làm phương tiện phạm tội, Ngân hàng QT và chị M không biết nên để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, cần giao chiếc xe trên cho Ngân hàng QT xử lý để thu hồi nợ, là phù hợp với Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Sau khi xử lý tài sản xe ô tô để thu hồi nợ, số tiền còn lại (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp sẽ được trả lại cho bị cáo T và chị M, mỗi người được hưởng là $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại. Số tiền còn lại (nếu có) của bị cáo T được hưởng sẽ tịch thu nộp ngân sách Nhà nước nên Ngân hàng QT có trách nhiệm chuyển số tiền này cho Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Dương để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại (nếu có) sẽ trả lại cho chị M.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm h, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm t khoản 1 Điều 51 (riêng đối với bị cáo T), Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 54 (riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Ph), điểm a khoản 1 và 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Thế Th và Nguyễn Thị Ph phạm tội “Cướp tài sản”.

[3]. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, ngày 01/12/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Th 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ph 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, ngày 22/6/2020.

[4]. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vật hình cầu bằng kim loại màu đen, trên thân có các khía rãnh tạo thành các ô vuông, phần trên đầu có chốt kim loại màu xám có vòng lò xo bằng kim loại xuyên ngang chốt, kích thước (10 x 5)cm; 02 gậy gỗ; 01 khóa chữ U bằng kim loại; 02 chuỗi kéo bằng nhựa màu tím bị gãy; 01 chiếc kéo bằng kim loại không có chuỗi màu trắng sáng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế Th 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3.1 màu trắng, bên trong có 02 sim; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng, bên trong có 01 sim.

- Giao 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 34A- 227.xx, đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T cho Ngân hàng TMCP QT (QT) xử lý. Sau khi đổi trừ số tiền bị cáo Hoàng Văn T và chị Lê Thị M nợ Ngân hàng QT theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số: 082.HĐTD1.024.18 ngày 06/02/2018, và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số: 082.HĐTC1.024.18 ngày 07/02/2018 mà hai bên đã ký kết, số tiền còn lại (nếu có) bị cáo T và chị M mỗi người được hưởng là ½. Số tiền còn lại (nếu có) của bị cáo T được hưởng bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước nên Ngân hàng QT có trách nhiệm chuyển số tiền này cho Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Dương để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại (nếu có) của chị M thì Ngân hàng QT trả lại cho chị M.

(Số vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương đang quản lý; đặc điểm, tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/8/2020 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

[5]. Về án phí: Các bị cáo T, Th và Ph, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Sở Tư pháp;
- VKSND TP. HD;
- Công an TP. HD;
- Chi Cục THADS TP.HD;
- Đội CSHTTP và THAHS Công an TP.HD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh HD (PC 10);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NQLNVLQ;
- Lưu Tòa;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà